



**Everpia JSC**

Head office and factory:

Duong xa, Gia Lam District, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84-4) 827 6490 Fax: (84-4) 827 6492

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

Số/No.: 131120-01TB/EVPL

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2020

Ha Noi, 13<sup>th</sup> Nov 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SGDCK TP.HCM**

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE  
STATE SECURITIES COMMISSION'S  
PORTAL AND HOCHIMINH STOCK  
EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Công ty cổ phần Everpia/ *Everpia JSC*
- Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: EVE
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội
- Điện thoại/ *Telephone*: 024.38276490
- Fax: 024.38276492
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Yu Sung Dae  
Chức vụ/ *Position*: Người được ủy quyền Công bố thông tin

*Authorized person on Information*

Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  *Periodic*  *Irregular*  *24 hours*  *On demand*

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ *Content of Information disclosure (\*)*:**

Tài liệu Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản / *Materials for consulting shareholders' opinion in written*:

1. Tờ trình các vấn đề cần xin ý kiến cổ đông / *Draft statement on proposals*
2. Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ *Written feedback card*
3. Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ *Regulations on collecting shareholders' written opinions*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 13/11/2020 tại đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-bao-cho-nha-dau-tu/cac-thong-bao.aspx>

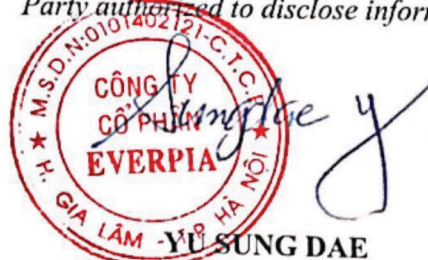
*This information was disclosed on Company on 13/11/2020, available at: <http://www.everpia.vn/everon/ir/notice-to-investors.aspx>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Đại diện tổ chức  
Organization representative**  
Người UQ CBTT

*Party authorized to disclose information*







**Everpia JSC**

Head office and factory:

Duong xa, Gio Lam District, Hamoi City, Vietnam

Tel: (84-4) 827 6190 Fax: (84-4) 827 6192

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

No.: 011/2020/HĐQT/NQ

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT / RESOLUTION**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP EVERPIA**  
**BOARD OF DIRECTOR OF EVERPIA JSC.**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 / Pursuant to Enterprise Law adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26<sup>th</sup> Nov 2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Everpia / Pursuant to Company Charter of Everpia JSC;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/ĐHĐCĐ2020/NQ / Pursuant to Resolution of annual General Shareholders' meeting no. 01/ĐHĐCĐ2020/NQ
- Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị số 011/2020/HĐQT/BB ngày 13/11/2020 về việc thông qua tài liệu/ Pursuant to Minutes of BOD's meeting no. 011/2020/HĐQT/BB on Nov. 13<sup>th</sup>, 2020 on consulting shareholders' written opinions

**QUYẾT ĐỊNH / DECISION**

**Điều 1/ Article 1: Phê duyệt tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ Approve document on collecting shareholders' written opinions**

Phê duyệt tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc mở rộng ngành nghề kinh doanh gồm/ Approve documents to get shareholders' written opinions on the business extension including:

1. Tờ trình/ Statement
2. Phiếu lấy ý kiến cổ đông/ Written feedback card
3. Quy chế lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ Regulations on collecting written opinions of shareholders

**Điều 2 / Article 2: Điều khoản thi hành / Execution**

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc Công ty Cổ phần Everpia có trách nhiệm tổ chức và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết này.

*This Resolution takes effect from the signed date. Board of Director and Board of Management has responsibility for organizing and executing this Resolution.*

**EVERPIA JSC**

Thay mặt Hội đồng quản trị

On behalf of Board of Director

Chủ tịch / Chairman



**CHO YONG HWAN**

Số: 02/ĐHĐCĐ2020/TTr

## TỜ TRÌNH

(V/v mở rộng ngành nghề kinh doanh)

### Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

**Căn cứ :**

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Everpia;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/ĐHĐCĐ2020/NQ ngày 24/04/2020.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và xin ý kiến chấp thuận của Cổ đông bằng văn bản để thông qua việc bổ sung ngành nghề và chi tiết một số mã hàng hóa đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

#### **Điều 1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh Sản giao dịch Thương mại điện tử**

##### 1. Lý do bổ sung

- **Bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới:** Theo số liệu được iPrice Group công bố, tính đến cuối Quý III năm 2020, có tới 44,8 triệu người Việt Nam tham gia mua sắm trực tuyến, 70% lượng người trong số đó sẽ trở thành động cơ thúc đẩy thị trường kinh doanh online phát triển mạnh mẽ.

Còn theo khảo sát của HBR, 73% trong số 46 nghìn người tiêu dùng đánh giá cao trải nghiệm mua sắm đa kênh của các cửa hàng online. Trên thực tế, mô hình bán hàng đa kênh đã xuất hiện trong nhiều năm, nhưng mãi đến thời gian gần đây nó mới được tiếp cận rộng rãi. Trong năm 2019, có 97% cửa hàng online áp dụng bán mô hình bán lẻ đa kênh, trong đó có hơn 54% chủ shop sử hữu 5 kênh bán hàng. Điều đó cho thấy, bán hàng đa kênh đang trở thành xu hướng rõ rệt trong thời gian tới.

- **Tăng trải nghiệm cho khách hàng:** Để phát triển tốt mô hình đa kênh, mang lại những trải nghiệm đầy đủ, thuận tiện và nhanh nhất cho khách hàng một sự đầu tư tổng thể và bài bản là cần thiết. Everpia tin tưởng việc đầu tư và điều phối từ tổng công ty đối với các đơn hàng Online là giải pháp tốt nhất để tăng trải nghiệm cho khách hàng bởi: i) nền tảng web chuyên nghiệp, ii) thống

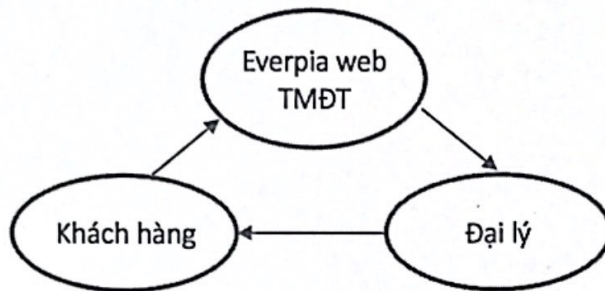




nhất chính sách bán hàng trên toàn hệ thống; iii) thời gian giao hàng đảm bảo nhanh nhất bởi lợi thế hệ thống 462 cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc

- **Hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho đại lý:** Mô hình kinh doanh online đặc biệt với sự đồng hành của các đại lý, theo đó, đơn hàng sẽ được đẩy thẳng về cho các đại lý và doanh thu ghi nhận cho các đại lý. Công ty sẽ chỉ giữ vai trò kiến thiết và phát triển nền tảng thương mại điện tử, kết nối và chăm sóc khách hàng, thúc đẩy các hoạt động marketing nhằm trở thành cầu nối hiệu quả nhất giữa khách hàng online và đại lý.

## 2. Phương thức hoạt động



Công ty thiết kế, quản lý và vận hành trang thương mại điện tử chung của Everon, đồng thời thực hiện các hoạt động marketing, quảng cáo online với chi phí của công ty nhằm thu hút khách hàng và đáp ứng nhu cầu mua sắm online đối với sản phẩm Everon của khách hàng. Trang thương mại điện tử này được kết nối trực tiếp với hệ thống quản lý bán hàng của mạng lưới đại lý. Thông qua đó, đơn hàng online sẽ được đẩy về cho các đại lý để thực hiện, và doanh thu được ghi nhận cho các đại lý.

## 3. Chi tiết mã ngành kinh doanh theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	<p><b>Công thông tin</b></p> <p>Nhóm này gồm: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng.</p> <p>Nhóm này cũng gồm: Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ.</p>	6312 - 63120
2	<p><b>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</b></p> <p>Với hoạt động bán lẻ trong nhóm này, người mua lựa chọn hàng hóa dựa trên quảng cáo, catalo, thông tin trên website, hàng mẫu hoặc các phương tiện quảng cáo khác. Khách hàng đặt hàng bằng thư, điện</p>	4791 - 47910



	<p>thoại, hoặc qua internet (thường thông qua những phương thức chuyên dụng được cung cấp bởi website). Những sản phẩm được mua này có thể tải trực tiếp từ internet hoặc giao tới khách hàng.</p> <p>Nhóm này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng;</li> <li>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet.</li> </ul> <p>Nhóm này cũng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại;</li> <li>- Đấu giá bán lẻ qua internet.</li> </ul>	
--	--	--

**Điều 2. Chi tiết mã ngành kinh doanh đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020**

Theo yêu cầu của cơ quan tiếp nhận và xử lý hồ sơ cấp phép bổ sung ngành nghề kinh doanh theo danh mục ngành nghề đã được phê duyệt tại Đại hội cổ đông thường niên 2020 tổ chức ngày 24/04/2020. Theo đó, ngành nghề chi tiết gồm:

**1. Bổ sung các ngành nghề kinh doanh**

No	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
		<b>Sản xuất</b>
1	1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
2	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
3	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
4	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
5	3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
		<b>Bán buôn</b>
6	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
7	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
8	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
10	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
11	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
		<b>Bán lẻ</b>

12	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
13	4742	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
14	4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
15	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
16	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
17	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
18	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
		<b>Hoạt động khác</b>
19	6201	Lập trình máy vi tính
20	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
21	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
22	6612	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
23	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
24	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
25	8121	Vệ sinh chung nhà cửa
26	8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
27	8291	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng
28	9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
29	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình
30	9524	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự
31	9529	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu
32	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú

## 2. Bổ sung mã sản phẩm phân phối bán lẻ

No	HS code	Chi tiết
1	0603	Cành hoa và nụ hoa dùng làm hoa bó hoặc để trang trí, tươi, khô, đã nhuộm, tẩy, thấm tẩm hoặc xử lý cách khác.

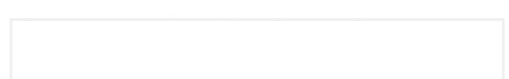


2	0604	Tán lá, cành và các phần khác của cây, không có hoa hoặc nụ hoa, các loại cỏ, rêu và địa y, phù hợp để bó hoa hoặc trang trí, tươi, khô, đã nhuộm, tẩy, thấm tẩm hoặc xử lý cách khác.
3	3208	Sơn và vecni (kể cả men trắng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường không chứa nước; các dung dịch như đã ghi trong Chú giải 4 của Chương này.
4	3209	Sơn và vecni (kể cả các loại men trắng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường nước.
5	3214	Ma tít để gắn kính, để ghép nối, các chất gắn nhựa (resin cements), các hợp chất dùng để trát, gắn và các loại ma tít khác; các chất bả bề mặt trước khi sơn; các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, dùng để phủ bề mặt chính nhà, tường trong nhà, sàn, trần nhà hoặc tương tự.
6	3401	Xà phòng; các sản phẩm và các chế phẩm hữu cơ hoạt động bề mặt dùng như xà phòng, ở dạng thanh, bánh, được nén thành miếng hoặc hình dạng nhất định, có hoặc không chứa xà phòng; các sản phẩm và các chế phẩm hữu cơ hoạt động bề mặt dùng để làm sạch da, ở dạng lỏng hoặc ở dạng kem và đã được đóng gói để bán lẻ, có hoặc không chứa xà phòng; giấy, mền xơ, ni và sản phẩm không dệt, đã thấm tẩm, tráng hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy
7	3917	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuỷu, vành đệm), bằng plastic.
8	3918	Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã xác định trong chú giải 9 của chương này
9	3919	Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn.
10	3920	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được hỗ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác.
11	3922	Bồn tắm, bồn tắm vòi sen, bồn rửa, chậu rửa, bệ rửa, bệ và nắp xí bệt, bình xối nước và các thiết bị vệ sinh tương tự, bằng plastic
12	3925	Đồ vật bằng plastic dùng trong xây lắp chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác
13	3926	Sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14
14	4002	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải.
15	4009	Các loại ống, ống dẫn và ống vòi, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ, các đoạn nối, khớp, khuỷu, vành đệm).
16	4015	Sản phẩm may mặc và đồ phụ trợ may mặc (kể cả găng tay, găng hở ngón và găng bao tay), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng.
17	4016	Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng.
18	4017	Cao su cứng (ví dụ, ebonit) ở các dạng, kể cả phế liệu và phế thải; các sản phẩm bằng cao su cứng.
19	4203	Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo, bằng da thuộc hoặc bằng da thuộc tổng hợp.
20	4414	Khung tranh, khung ảnh, khung gương bằng gỗ hoặc các sản phẩm bằng gỗ tương tự.



21	4415	Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự, bằng gỗ; tang cuốn cáp bằng gỗ; giá kệ để kê hàng, giá để hàng kiểu thùng và các loại giá để hàng khác, bằng gỗ; kệ có thể tháo lắp linh hoạt (pallet collars) bằng gỗ.
22	4420	Gỗ khảm và dát; nắp và các loại hộp đựng đồ trang sức hoặc đựng dao kéo, và các sản phẩm tương tự, bằng gỗ; tượng nhỏ và đồ trang trí khác, bằng gỗ; các loại đồ nội thất bằng gỗ không thuộc Chương 94.
23	4601	Dây tết bền và các sản phẩm tương tự làm bằng vật liệu tết bền, đã hoặc chưa ghép thành dải; các vật liệu tết bền, các dây bền và các sản phẩm tương tự bằng vật liệu tết bền, đã kết lại với nhau trong các tao dây song song hoặc đã được dệt, ở dạng tấm, có hay không ở dạng thành phẩm (ví dụ, chiếu, thảm, màn).
24	4602	Hàng mây tre, liễu gai và các mặt hàng khác, làm trực tiếp từ vật liệu tết bền hoặc làm từ các mặt hàng thuộc nhóm 46.01; các sản phẩm từ cây họ mướp.
25	4811	Giấy, bìa, tấm xenlulo và màng xơ sợi xenlulo, đã tráng, thấm tẩm, phủ, nhuộm màu bề mặt, trang trí hoặc in bề mặt, ở dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông), với kích thước bất kỳ, trừ các loại thuộc các nhóm 48.03, 48.09 hoặc 48.10.
26	4818	Giấy vệ sinh và giấy tương tự, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo, dùng trong gia đình hoặc vệ sinh, dạng cuộn có chiều rộng không quá 36 cm, hoặc cắt theo hình dạng hoặc kích thước; khăn tay, giấy lau, khăn lau, khăn trải bàn, khăn ăn, khăn trải giường và các đồ dùng nội trợ, vệ sinh hoặc các vật phẩm dùng cho bệnh viện tương tự, các vật phẩm trang trí và đồ phụ kiện may mặc, bằng bột giấy, giấy, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo.
27	4823	Giấy, bìa, tấm xenlulo và màng xơ sợi xenlulo khác, đã cắt theo kích cỡ hoặc hình dạng; các vật phẩm khác bằng bột giấy, giấy, bìa, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo.
28	4905	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in
29	4911	Các ấn phẩm in khác, kể cả tranh và ảnh in.
30	6310	Vải vụn, mẫu dây xe, chảo bền (cordage), thùng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chảo bền (cordage), thùng hoặc cáp, từ vật liệu dệt.
31	6506	Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí.
32	6601	Các loại ô và dù (kể cả ô có cán là ba toong, dù che trong vườn và các loại ô, dù tương tự).
33	6702	Hoa, cành, lá, quả nhân tạo và các phần của chúng; các sản phẩm làm bằng hoa, cành, lá hoặc quả nhân tạo.
34	6801	Các loại đá lát, đá lát lê đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến).
35	6802	Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng đã được gia công (trừ đá phiến) và các sản phẩm làm từ các loại đá trên, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.01; đá khối dùng để khảm và các loại tương tự, bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến), có hoặc không có lớp lót; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo, làm bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến).
36	6803	Đá phiến đã gia công và các sản phẩm làm bằng đá phiến hoặc làm bằng đá phiến kết khối (từ bột đá phiến kết lại thành khối).
37	6804	Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác.
38	6808	Panel, tấm, tấm lát (tiles), khối và các sản phẩm tương tự làm bằng sợi thực vật, rom rạ hoặc bằng phoi bào, mặt gỗ, dăm gỗ, mùn cưa hoặc phế liệu khác, bằng gỗ, đã được kết khối bằng xi măng, thạch cao hoặc chất kết dính khoáng khác.

11/11/2017





39	6809	Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao.
40	6810	Các sản phẩm bằng xi măng, bằng bê tông hoặc đá nhân tạo, đã hoặc chưa được gia cố.
41	6811	Các sản phẩm bằng xi măng-amiăng, bằng xi măng-sợi xenlulô hoặc tương tự.
42	6812	Sợi amiăng đã được gia công; các hỗn hợp với thành phần cơ bản là amiăng hoặc thành phần cơ bản là amiăng và magie carbonat; các sản phẩm làm từ hỗn hợp đó hoặc làm từ amiăng (ví dụ, chỉ, vải dệt thoi, quần áo, mũ và vật đội đầu khác, giày dép, các miếng đệm), đã hoặc chưa được gia cố, trừ các loại thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.13.
43	6814	Mica đã gia công và các sản phẩm làm từ mica, kể cả mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ bằng giấy, bìa hoặc các vật liệu khác.
44	6815	Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả sợi carbon, các sản phẩm bằng sợi carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.
45	6904	Gạch xây dựng, gạch khối lát nền, tấm đỡ hoặc tấm lót và các loại tương tự bằng gốm, sứ.
46	6905	Ngói lợp, ống khói, chụp ống khói, lớp lót trong ống khói, hàng trang trí kiến trúc và hàng xây dựng bằng gốm, sứ khác.
47	6906	Ống dẫn, máng dẫn, máng thoát nước và các phụ kiện để lắp ráp bằng gốm, sứ.
48	6907	Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khảm và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ để hoàn thiện.
49	6910	Bồn rửa, chậu rửa, bệ chậu rửa, bồn tắm, bệ rửa vệ sinh (bidets), bệ xí, bình xối nước, bệ đi tiêu và các sản phẩm vệ sinh tương tự bằng gốm, sứ gắn cố định.
50	7016	Khối lát, tấm, gạch, tấm vuông, tấm lát (tiles) và các sản phẩm khác bằng thủy tinh ép hoặc thủy tinh đúc, có hoặc không có cốt lưới, thuộc loại được sử dụng trong xây dựng hoặc mục đích xây dựng; khối thủy tinh nhỏ và đồ thủy tinh nhỏ khác, có hoặc không có lớp lót nền, dùng để khảm hoặc cho các mục đích trang trí tương tự; đèn phù chì và các loại tương tự; thủy tinh đa phần tử hoặc thủy tinh bột dạng khối, panel, tấm, lớp, vỏ hoặc các dạng tương tự.
51	7019	Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi, vải dệt).
52	7314	Tấm đan (kể cả đai liền), phên, lưới và rào, làm bằng dây sắt hoặc thép; sản phẩm dạng lưới được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo giãn thành lưới bằng sắt hoặc thép.
53	7324	Thiết bị vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép.
54	7418	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng đồng; miếng cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, bao tay và các loại tương tự, bằng đồng; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng đồng.
55	7610	Các kết cấu bằng nhôm (trừ nhà lắp ghép thuộc nhóm 94.06) và các bộ phận của các kết cấu bằng nhôm (ví dụ, cầu và nhịp cầu, tháp, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào và cửa sổ và các loại khung cửa và ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột); tấm, thanh, dạng hình, ống và các loại tương tự bằng nhôm, đã được gia công để sử dụng làm kết cấu.
56	7615	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc các loại đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng nhôm; miếng dùng để cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, bao tay và các loại tương tự bằng nhôm; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng nhôm.
57	7616	Các sản phẩm khác bằng nhôm.



58	8210	Đồ dùng cơ khí hoạt động bằng tay, nặng 10 kg trở xuống, dùng để chế biến, pha chế hoặc phục vụ đồ ăn hoặc đồ uống.
59	8215	Thìa, đĩa, muôi, thìa hớt kem, hớt bột, đồ xúc bánh, dao ăn cá, dao cắt bơ, kẹp gấp đường và các loại đồ dùng nhà bếp hoặc bộ đồ ăn tương tự.
60	8302	Giá, khung, phụ kiện và các sản phẩm tương tự bằng kim loại cơ bản dùng cho đồ nội thất, cho cửa ra vào, cầu thang, cửa sổ, màn che, thân xe (coachwork), yên cương, rương, hòm hay các loại tương tự; giá để mũ, mắc mũ, chân giá đỡ và các loại giá cố định tương tự bằng kim loại cơ bản; bánh xe đẩy (castor) có giá đỡ bằng kim loại cơ bản; cơ cấu đóng cửa tự động bằng kim loại cơ bản.
61	8306	Chuông, chuông đĩa và các loại tương tự, không dùng điện, bằng kim loại cơ bản; tượng nhỏ và đồ trang trí khác, bằng kim loại cơ bản; khung ảnh, khung tranh hay các loại khung tương tự, bằng kim loại cơ bản; gương bằng kim loại cơ bản.
62	8414	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hay chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc.
63	8415	Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt.
64	8418	Tủ lạnh, tủ kết đông <sup>(1)</sup> và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15.
65	8422	Máy rửa bát đĩa; máy làm sạch hoặc làm khô chai lọ hoặc các loại đồ chứa khác; máy rót, đóng kín, gắn xi, đóng nắp hoặc dán nhãn vào các chai, lon, hộp, túi hoặc đồ chứa khác; máy bọc chai lọ, ống và các loại đồ chứa tương tự; máy đóng gói hay bao gói khác (kể cả máy bọc màng co nhiệt); máy nạp ga cho đồ uống.
66	8435	Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các loại đồ uống tương tự.
67	8450	Máy giặt gia đình hoặc trong hiệu giặt, kể cả máy giặt có chức năng sấy khô.
68	8471	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.
69	8501	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện).
70	8502	Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay.
71	8508	Máy hút bụi.
72	8509	Thiết bị cơ điện gia dụng có động cơ điện gắn liền, trừ máy hút bụi của nhóm 85.08.
73	8510	Máy cạo, tông đơ và các dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc, có động cơ điện gắn liền.
74	8512	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ.
75	8513	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12.
76	8517	Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nói mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng điện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28.



77	8518	Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện.
78	8519	Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh.
79	8521	Thiết bị ghi hoặc tái tạo video, có hoặc không gắn bộ phận thu tín hiệu video.
80	8525	Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh.
81	8528	Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh.
82	8531	Thiết bị báo hiệu bằng âm thanh hoặc hình ảnh (ví dụ, chuông, còi báo, bảng chỉ báo, báo động chống trộm hoặc báo cháy), trừ các thiết bị thuộc nhóm 85.12 hoặc 85.30.
83	8536	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, dui đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang.
84	8537	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đế khác, được lắp với hai hay nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hay thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17.
85	8538	Bộ phận chuyên dùng hay chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37.
86	8539	Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; đèn đi-ốt phát quang (LED).
87	8544	Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối.
88	9102	Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, trừ các loại thuộc nhóm 91.01.
89	9103	Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, trừ các loại đồng hồ thời gian thuộc nhóm 91.04.
90	9105	Đồng hồ thời gian khác.
91	9201	Đàn piano, kể cả piano tự động; đàn clavecin (hapsichords) và các loại đàn dây có phím bấm khác.
92	9202	Các nhạc cụ có dây khác (ví dụ, ghi ta, vi-ô-lông, đàn hạc).
93	9205	Nhạc cụ hơi (ví dụ, các loại đàn organ ống có phím, đàn accordion, clarinet, trumpet, kèn túi), trừ các loại đàn organ phím chọt, đàn quay gió của người hát rong trên đường phố.
94	9206	Nhạc cụ thuộc bộ gõ (ví dụ, trống, mộc cầm, chũm chọt, castanet, chuông gõ (maracas)).
95	9207	Nhạc cụ, mà âm thanh được tạo ra, hoặc phải khuếch đại, bằng điện (ví dụ, đàn organ, ghi ta, accordion).
96	9406	Nhà lắp ghép.



97	9506	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nói chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools).
98	9701	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép và phù điêu trang trí tương tự.
99	8421	Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí.
100	8425	Hệ ròng rọc và hệ tời trừ tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp); tời ngang và tời dọc; kích các loại.
101	8479	Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác thuộc Chương này

### Điều 3. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ

Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn việc cập nhật, bổ sung các ngành nghề kinh doanh mới tại Điều lệ Công ty ngay khi Công ty hoàn tất các thủ tục với cơ quan nhà nước liên quan đến việc mở rộng các ngành kinh doanh trên theo quy định của pháp luật.

### Điều 4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi hạng mục ngành nghề chi tiết, cập nhật lại hệ thống mã ngành kinh doanh (nếu cần) theo các quy định pháp luật liên quan trên cơ sở các nhóm ngành hàng đã được thông qua tại Điều 1 và Điều 2.

Kính trình.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP PL

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**CHỖ YONG HWAN**







- Phiếu biểu quyết không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- (i) Đánh dấu vào từ 2 ô trở lên tại vấn đề cần lấy ý kiến thì phiếu quyết tại vấn đề đó không hợp lệ;
- (ii) Không có chữ ký (nếu cổ đông là cá nhân), không có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu cổ đông là tổ chức);
- (iii) Phong bì đã bị mở trước khi kiểm phiếu;
- (iv) Gửi về Công ty sau thời hạn quy định (tính theo dấu bưu điện);
- (v) Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu;

- Khi cả 3 ô (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) tại vấn đề cần lấy ý kiến không được đánh dấu nhưng Cổ đông vẫn ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (*nếu là tổ chức*) vào Văn bản này thì được xem là không có ý kiến.

#### IV. Thời hạn gửi Phiếu lấy ý kiến

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải được gửi tới Công ty **trước 17h00 ngày 29 tháng 11 năm 2020** theo một trong ba phương thức sau:

- Gửi qua đường bưu điện trong phong bì dán kín (*đã gửi kèm theo cho Quý cổ đông*) tới địa chỉ Chi nhánh Công ty CP Everpia – Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên.
- Gửi qua fax đến số fax của Công ty tại: 02213.791.999
- Gửi file scan/ ảnh chụp qua thư điện tử đến hòm mail của Công ty tại: [info@everon.com](mailto:info@everon.com)

Quý Cổ đông vui lòng gửi Phiếu lấy ý kiến này theo đúng thời gian quy định nói trên. Nếu Quý Cổ đông không gửi Phiếu lấy ý kiến thì coi như bị mất quyền biểu quyết đối với các quyết định nêu trên.

Các tài liệu kèm theo Phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên website chính thức của Công ty theo đường dẫn: <http://www.everpia.vn/everon/ir/thong-bao-cho-nha-dau-tu/cac-thong-bao.aspx>

**Xác nhận của Cổ đông**  
(Ký ghi rõ họ tên/Ký, đóng dấu)

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHỖ YONG HWAN**





**Everpia JSC**  
Head office and factory:  
Đường số 1, Gia Lâm District, Hanoi City, Vietnam  
Tel: (84-4) 827 6490 Fax: (84-4) 827 6492

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2020

## **QUY CHẾ LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

### **Căn cứ :**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Everpia
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Everpia (“Công ty”) tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc mở rộng ngành nghề kinh doanh theo các quy định sau:

### **Điều 1: Đối tượng thực hiện biểu quyết**

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông tại thời điểm chốt ngày 10/11/2020 của Trung tâm lưu ký chứng khoán và không thuộc đối tượng không được tham gia bỏ phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ Công ty

### **Điều 2. Phiếu lấy ý kiến cổ đông**

Phiếu lấy ý kiến cổ đông về việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi được Hội đồng quản trị Công ty chuẩn bị và gửi thư bảo đảm cho từng cổ đông có quyền biểu quyết

### **Điều 3. Cách thức biểu quyết và gửi phiếu về Công ty**

Cổ đông thực hiện biểu quyết theo hướng dẫn chi tiết trên Phiếu lấy ý kiến

Quý cổ đông cho ý kiến biểu quyết bằng cách gửi Phiếu xin ý kiến cổ đông gửi về Công ty theo một trong các cách thức sau:

1. Gửi thư điện tử: [info@everon.com](mailto:info@everon.com)
2. Gửi thư bảo đảm về địa chỉ Công ty: Phòng Kế hoạch - Chi nhánh Công ty CP Everpia – Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên.
3. Gửi qua fax đến số fax của Công ty tại: 02213.791.999

### **Điều 4. Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ**

- Phiếu lấy ý kiến hợp lệ:

- o Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký và ghi rõ họ tên (đối với cổ đông là cá nhân); có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật và dấu (đối với cổ đông là tổ chức). Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu
- o Trường hợp gửi thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua thư điện tử sẽ được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu





- Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- o Đánh dấu vào từ 2 ô trở lên tại vấn đề cần lấy ý kiến thì phần biểu quyết tại vấn đề đó không hợp lệ;
- o Không có chữ ký (nếu cổ đông là cá nhân), không có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu (nếu cổ đông là tổ chức);
- o Phong bì đã bị mở trước khi kiểm phiếu;
- o Gửi về sau thời hạn quy định tại Phiếu lấy ý kiến;
- o Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu;
- o Phiếu lấy ý kiến bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử.

- Cổ đông không đánh dấu vào ô nào trong Phiếu lấy ý kiến nhưng vẫn ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là cổ đông tổ chức thì Phiếu lấy ý kiến đó được coi là phiếu không có ý kiến.

- Phiếu lấy ý kiến không được gửi về thì cổ đông được coi là không tham gia biểu quyết.

### **Điều 5. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu**

Hội đồng quản trị công ty sẽ tổ chức, thành lập Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Các vấn đề đã được thông qua;
- Họ, tên, chữ kí của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

Biên bản kiểm phiếu sẽ được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ thời điểm biên bản kiểm phiếu được thông qua.

### **Điều 6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

- Sau khi kết thúc kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.



Quy chế này gồm có sáu (06) điều và đ ợc áp dụng cho thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về việc phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**CHO YONG HWAN**







**Everpia JSC**

Head office and factory:

Đường số 1, Cầu Lộ District, Hanoi City, Vietnam

Tel: (84-4) 827 6190 Fax: (84-4) 827 6192

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hưng Yên, ngày 30 tháng 11 năm 2020

Số: 02/ĐHĐCD2019/NQ



## DỰ THẢO

### **NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2020**

*(Về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bổ sung ngành nghề kinh doanh)*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Everpia;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty cổ phần Everpia ngày 30/11/2020;

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Bổ sung ngành nghề kinh doanh Sản giao dịch thương mại điện tử, cụ thể như sau:

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	<b>Cổng thông tin</b> Nhóm này gồm: Hoạt động điều hành các website sử dụng công cụ tìm kiếm để tạo lập và duy trì các cơ sở dữ liệu lớn các địa chỉ internet và nội dung theo một định dạng có thể tìm kiếm một cách dễ dàng. Nhóm này cũng gồm: Hoạt động điều hành các website khác hoạt động như các cổng internet, như các trang báo chí, phương tiện truyền thông trực tuyến cung cấp các nội dung thông tin được cập nhật định kỳ.	<b>6312 - 63120</b>
2	<b>Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet</b> Với hoạt động bán lẻ trong nhóm này, người mua lựa chọn hàng hóa dựa trên quảng cáo, catalo, thông tin trên website, hàng mẫu hoặc các phương tiện quảng cáo khác. Khách hàng đặt hàng bằng thư, điện thoại, hoặc qua internet (thường thông qua những phương thức chuyên dụng được cung cấp bởi website). Những sản phẩm được mua này có thể tải trực tiếp từ internet hoặc giao tới khách hàng. Nhóm này gồm: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. Nhóm này cũng gồm: - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; - Đấu giá bán lẻ qua internet.	<b>4791 - 47910</b>



**Điều 2.** Chi tiết mã ngành kinh doanh đã được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, cụ thể như sau:

**1. Bổ sung các ngành nghề kinh doanh**

No	Mã ngành	Ngành nghề kinh doanh
		<b>Sản xuất</b>
1	1610	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
2	1621	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
3	1622	Sản xuất đồ gỗ xây dựng
4	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
5	3100	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế
		<b>Bán buôn</b>
6	4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép
7	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
8	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
9	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
10	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
11	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
		<b>Bán lẻ</b>
12	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
13	4742	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh
14	4753	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh
15	4759	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh
16	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
17	4772	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
18	4773	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
		<b>Hoạt động khác</b>
19	6201	Lập trình máy vi tính
20	6202	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
21	6209	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
22	6612	Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
23	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
24	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
25	8121	Vệ sinh chung nhà cửa
26	8129	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt
27	8291	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng
28	9511	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi



29	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình
30	9524	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự
31	9529	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu
32	9620	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú

## 2. Bổ sung mã sản phẩm phân phối bán lẻ

No	Mã HS	Chi tiết
1	0603	Cành hoa và nụ hoa dùng làm hoa bó hoặc để trang trí, tươi, khô, đã nhuộm, tẩy, thấm tẩm hoặc xử lý cách khác.
2	0604	Tán lá, cành và các phần khác của cây, không có hoa hoặc nụ hoa, các loại cỏ, rêu và địa y, phù hợp để bó hoa hoặc trang trí, tươi, khô, đã nhuộm, tẩy, thấm tẩm hoặc xử lý cách khác.
3	3208	Sơn và vecni (kể cả men trắng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường không chứa nước; các dung dịch như đã ghi trong Chú giải 4 của Chương này.
4	3209	Sơn và vecni (kể cả các loại men trắng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường nước.
5	3214	Ma tít để gắn kính, để ghép nối, các chất gắn nhựa (resin cements), các hợp chất dùng để trát, gắn và các loại ma tít khác; các chất bả bề mặt trước khi sơn; các vật liệu phủ bề mặt không chịu nhiệt, dùng để phủ bề mặt chính nhà, tường trong nhà, sàn, trần nhà hoặc tương tự.
6	3401	Xà phòng; các sản phẩm và các chế phẩm hữu cơ hoạt động bề mặt dùng như xà phòng, ở dạng thanh, bánh, được nén thành miếng hoặc hình dạng nhất định, có hoặc không chứa xà phòng; các sản phẩm và các chế phẩm hữu cơ hoạt động bề mặt dùng để làm sạch da, ở dạng lỏng hoặc ở dạng kem và đã được đóng gói để bán lẻ, có hoặc không chứa xà phòng; giấy, mền xơ, ni và sản phẩm không dệt, đã thấm tẩm, trắng hoặc phủ xà phòng hoặc chất tẩy
7	3917	Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, và các phụ kiện dùng để ghép nối chúng (ví dụ, các đoạn nối, khuy, vành đệm), bằng plastic.
8	3918	Tấm trải sàn bằng plastic, có hoặc không tự dính, dạng cuộn hoặc dạng tấm rời để ghép; tấm phủ tường hoặc phủ trần bằng plastic, như đã xác định trong chú giải 9 của chương này
9	3919	Tấm, phiến, màng, lá, băng, dải và các hình dạng phẳng khác tự dính, bằng plastic, có hoặc không ở dạng cuộn.
10	3920	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được hỗ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác.
11	3922	Bồn tắm, bồn tắm vòi sen, bồn rửa, chậu rửa, bệ rửa, bệ và nắp xí bệt, bình xối nước và các thiết bị vệ sinh tương tự, bằng plastic
12	3925	Đồ vật bằng plastic dùng trong xây lắp chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác
13	3926	Sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14
14	4002	Cao su tổng hợp và các chất thay thế cao su dẫn xuất từ dầu, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải; hỗn hợp của một sản phẩm bất kỳ của nhóm 40.01 với một sản phẩm bất kỳ của nhóm này, ở dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, tờ hoặc dải.



15	4009	Các loại ống, ống dẫn và ống vôi, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng, có hoặc không kèm theo các phụ kiện để ghép nối (ví dụ, các đoạn nối, khớp, khuy, vành đệm).
16	4015	Sản phẩm may mặc và đồ phụ trợ may mặc (kể cả găng tay, găng hờ ngón và găng bao tay), dùng cho mọi mục đích, bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng.
17	4016	Các sản phẩm khác bằng cao su lưu hóa trừ cao su cứng.
18	4017	Cao su cứng (ví dụ, ebonit) ở các dạng, kể cả phế liệu và phế thải; các sản phẩm bằng cao su cứng.
19	4203	Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo, bằng da thuộc hoặc bằng da thuộc tổng hợp.
20	4414	Khung tranh, khung ảnh, khung gương bằng gỗ hoặc các sản phẩm bằng gỗ tương tự.
21	4415	Hòm, hộp, thùng thưa, thùng hình trống và các loại bao bì tương tự, bằng gỗ; tang cuốn cáp bằng gỗ; giá kê để kê hàng, giá để hàng kiểu thùng và các loại giá để hàng khác, bằng gỗ; kệ có thể tháo lắp linh hoạt (pallet collars) bằng gỗ.
22	4420	Gỗ khảm và dát; tráp và các loại hộp đựng đồ trang sức hoặc đựng dao kéo, và các sản phẩm tương tự, bằng gỗ; tượng nhỏ và đồ trang trí khác, bằng gỗ; các loại đồ nội thất bằng gỗ không thuộc Chương 94.
23	4601	Dây tết bện và các sản phẩm tương tự làm bằng vật liệu tết bện, đã hoặc chưa ghép thành dải; các vật liệu tết bện, các dây bện và các sản phẩm tương tự bằng vật liệu tết bện, đã kết lại với nhau trong các tao dây song song hoặc đã được dệt, ở dạng tấm, có hay không ở dạng thành phẩm (ví dụ, chiếu, thảm, màn).
24	4602	Hàng mây tre, liễu gai và các mặt hàng khác, làm trực tiếp từ vật liệu tết bện hoặc làm từ các mặt hàng thuộc nhóm 46.01; các sản phẩm từ cây họ mướp.
25	4811	Giấy, bìa, tấm xenlulo và màng xơ sợi xenlulo, đã tráng, thấm tẩm, phủ, nhuộm màu bề mặt, trang trí hoặc in bề mặt, ở dạng cuộn hoặc tờ hình chữ nhật (kể cả hình vuông), với kích thước bất kỳ, trừ các loại thuộc các nhóm 48.03, 48.09 hoặc 48.10.
26	4818	Giấy vệ sinh và giấy tương tự, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo, dùng trong gia đình hoặc vệ sinh, dạng cuộn có chiều rộng không quá 36 cm, hoặc cắt theo hình dạng hoặc kích thước; khăn tay, giấy lau lau, khăn lau, khăn trải bàn, khăn ăn, khăn trải giường và các đồ dùng nội trợ, vệ sinh hoặc các vật phẩm dùng cho bệnh viện tương tự, các vật phẩm trang trí và đồ phụ kiện may mặc, bằng bột giấy, giấy, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo.
27	4823	Giấy, bìa, tấm xenlulo và màng xơ sợi xenlulo khác, đã cắt theo kích cỡ hoặc hình dạng; các vật phẩm khác bằng bột giấy, giấy, bìa, tấm xenlulo hoặc màng xơ sợi xenlulo.
28	4905	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in
29	4911	Các ấn phẩm in khác, kể cả tranh và ảnh in.
30	6310	Vải vụn, mẩu dây xe, chèo bện (cordage), thừng và cáp đã qua sử dụng hoặc mới và các phế liệu từ vải vụn, dây xe, chèo bện (cordage), thừng hoặc cáp, từ vật liệu dệt.
31	6506	Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lợp hoặc trang trí.
32	6601	Các loại ô và dù (kể cả ô có cán là ba toong, dù che trong vườn và các loại ô, dù tương tự).
33	6702	Hoa, cành, lá, quả nhân tạo và các phần của chúng; các sản phẩm làm bằng hoa, cành, lá hoặc quả nhân tạo.
34	6801	Các loại đá lát, đá lát lộ đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến).



35	6802	Đá làm tượng đài hoặc đá xây dựng đã được gia công (trừ đá phiến) và các sản phẩm làm từ các loại đá trên, trừ các sản phẩm thuộc nhóm 68.01; đá khối dùng để khám và các loại tương tự, bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến), có hoặc không có lớp lót; đá hạt, đá dăm và bột đá đã nhuộm màu nhân tạo, làm bằng đá tự nhiên (kể cả đá phiến).
36	6803	Đá phiến đã gia công và các sản phẩm làm bằng đá phiến hoặc làm bằng đá phiến kết khối (từ bột đá phiến kết lại thành khối).
37	6804	Đá nghiền, đá mài, đá mài dạng hình tròn và tương tự, không có cốt, dùng để nghiền, mài, đánh bóng, giũa hoặc cắt, đá mài hoặc đá đánh bóng bằng tay, và các phần của chúng, bằng đá tự nhiên, bằng các vật liệu mài tự nhiên hoặc nhân tạo đã được kết khối, hoặc bằng gốm, có hoặc không kèm theo các bộ phận bằng các vật liệu khác.
38	6808	Panel, tấm, tấm lát (tiles), khối và các sản phẩm tương tự làm bằng sợi thực vật, rom rạ hoặc bằng phoi bào, mặt gỗ, dăm gỗ, mùn cưa hoặc phế liệu khác, bằng gỗ, đã được kết khối bằng xi măng, thạch cao hoặc chất kết dính khoáng khác.
39	6809	Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao.
40	6810	Các sản phẩm bằng xi măng, bằng bê tông hoặc đá nhân tạo, đã hoặc chưa được gia công.
41	6811	Các sản phẩm bằng xi măng-amiăng, bằng xi măng-sợi xenlulô hoặc tương tự.
42	6812	Sợi amiăng đã được gia công; các hỗn hợp với thành phần cơ bản là amiăng hoặc thành phần cơ bản là amiăng và magie carbonat; các sản phẩm làm từ hỗn hợp đó hoặc làm từ amiăng (ví dụ, chỉ, vải dệt thoi, quần áo, mũ và vật đội đầu khác, giày dép, các miếng đệm), đã hoặc chưa được gia công, trừ các loại thuộc nhóm 68.11 hoặc 68.13.
43	6814	Mica đã gia công và các sản phẩm làm từ mica, kể cả mica đã được kết khối hoặc tái chế, có hoặc không có lớp nền phụ trợ bằng giấy, bìa hoặc các vật liệu khác.
44	6815	Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác (kể cả sợi carbon, các sản phẩm bằng sợi carbon và các sản phẩm làm bằng than bùn), chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.
45	6904	Gạch xây dựng, gạch khối lát nền, tấm dờ hoặc tấm lót và các loại tương tự bằng gốm, sứ.
46	6905	Ngói lợp, ống khói, chụp ống khói, lớp lót trong ống khói, hàng trang trí kiến trúc và hàng xây dựng bằng gốm, sứ khác.
47	6906	Ống dẫn, máng dẫn, máng thoát nước và các phụ kiện để lắp ráp bằng gốm, sứ.
48	6907	Các loại phiến lát đường và gạch lát đường, lát nền và lòng lò hoặc gạch ốp tường bằng gốm, sứ; các khối khám và các loại sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ, có hoặc không có lớp nền; các sản phẩm gốm, sứ dễ hoàn thiện.
49	6910	Bồn rửa, chậu rửa, bệ chậu rửa, bồn tắm, bệ rửa vệ sinh (bidets), bệ xí, bình xối nước, bệ đi tiêu và các sản phẩm vệ sinh tương tự bằng gốm, sứ gắn cố định.
50	7016	Khối lát, tấm, gạch, tấm vuông, tấm lát (tiles) và các sản phẩm khác bằng thủy tinh ép hoặc thủy tinh đúc, có hoặc không có cốt lưới, thuộc loại được sử dụng trong xây dựng hoặc mục đích xây dựng; khối thủy tinh nhỏ và đồ thủy tinh nhỏ khác, có hoặc không có lớp lót nền, dùng để khám hoặc cho các mục đích trang trí tương tự; đèn phù chi và các loại tương tự; thủy tinh đa phần tử hoặc thủy tinh bột dạng khối, panel, tấm, lớp, vỏ hoặc các dạng tương tự.
51	7019	Sợi thủy tinh (kể cả len thủy tinh) và các sản phẩm của nó (ví dụ, sợi, vải dệt).
52	7314	Tấm đan (kể cả đai liên), phên, lưới và rào, làm bằng dây sắt hoặc thép; sản phẩm dạng lưới được tạo hình bằng phương pháp đột dập và kéo giãn thành lưới bằng sắt hoặc thép.
53	7324	Thiết bị vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng sắt hoặc thép.



54	7418	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng đồng; miếng cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, bao tay và các loại tương tự, bằng đồng; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng đồng.
55	7610	Các kết cấu bằng nhôm (trừ nhà lắp ghép thuộc nhóm 94.06) và các bộ phận của các kết cấu bằng nhôm (ví dụ, cầu và nhịp cầu, tháp, cột lưới, mái nhà, khung mái, cửa ra vào và cửa sổ và các loại khung cửa và ngưỡng cửa ra vào, cửa chớp, lan can, cột trụ và các loại cột): tấm, thanh, dạng hình, ống và các loại tương tự bằng nhôm, đã được gia công để sử dụng làm kết cấu.
56	7615	Bộ đồ ăn, đồ nhà bếp hoặc các loại đồ gia dụng khác và các bộ phận của chúng, bằng nhôm; miếng dùng để cọ nồi và cọ rửa hoặc đánh bóng, bao tay và các loại tương tự bằng nhôm; đồ trang bị trong nhà vệ sinh và các bộ phận của chúng, bằng nhôm.
57	7616	Các sản phẩm khác bằng nhôm.
58	8210	Đồ dùng cơ khí hoạt động bằng tay, nặng 10 kg trở xuống, dùng để chế biến, pha chế hoặc phục vụ đồ ăn hoặc đồ uống.
59	8215	Thìa, đĩa, muôi, thìa hót kem, hót bột, đồ xúc bánh, dao ăn cá, dao cắt bơ, kẹp gấp đường và các loại đồ dùng nhà bếp hoặc bộ đồ ăn tương tự.
60	8302	Giá, khung, phụ kiện và các sản phẩm tương tự bằng kim loại cơ bản dùng cho đồ nội thất, cho cửa ra vào, cầu thang, cửa sổ, màn che, thân xe (coachwork), yên cương, rương, hòm hay các loại tương tự; giá đèn mũ, móc mũ, chân giá đỡ và các loại giá cố định tương tự bằng kim loại cơ bản; bánh xe đẩy (castor) có giá đỡ bằng kim loại cơ bản; cơ cấu đóng cửa tự động bằng kim loại cơ bản.
61	8306	Chuông, chuông đĩa và các loại tương tự, không dùng điện, bằng kim loại cơ bản; tượng nhỏ và đồ trang trí khác, bằng kim loại cơ bản; khung ảnh, khung tranh hay các loại khung tương tự, bằng kim loại cơ bản; gương bằng kim loại cơ bản.
62	8414	Bơm không khí hoặc bơm chân không, máy nén không khí hay chất khí khác và quạt; nắp chụp hút tuần hoàn gió hoặc thông gió có kèm theo quạt, có hoặc không lắp bộ phận lọc.
63	8415	Máy điều hòa không khí, gồm có một quạt chạy bằng mô tơ và các bộ phận làm thay đổi nhiệt độ và độ ẩm, kể cả loại máy không điều chỉnh độ ẩm một cách riêng biệt.
64	8418	Tủ lạnh, tủ kết đông <sup>(1)</sup> và thiết bị làm lạnh hoặc kết đông khác, loại dùng điện hoặc loại khác; bơm nhiệt trừ máy điều hòa không khí thuộc nhóm 84.15.
65	8422	Máy rửa bát đĩa; máy làm sạch hoặc làm khô chai lọ hoặc các loại đồ chứa khác; máy rót, đóng kín, gắn xi, đóng nắp hoặc dán nhãn vào các chai, lon, hộp, túi hoặc đồ chứa khác; máy bọc chai lọ, ống và các loại đồ chứa tương tự; máy đóng gói hay bao gói khác (kể cả máy bọc màng co nhiệt); máy nạp ga cho đồ uống.
66	8435	Máy ép, máy nghiền và các loại máy tương tự dùng trong sản xuất rượu vang, rượu táo, nước trái cây hoặc các loại đồ uống tương tự.
67	8450	Máy giặt gia đình hoặc trong hiệu giặt, kể cả máy giặt có chức năng sấy khô.
68	8471	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hay đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác.
69	8501	Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện).
70	8502	Tổ máy phát điện và máy biến đổi điện quay.
71	8508	Máy hút bụi.
72	8509	Thiết bị cơ điện gia dụng có động cơ điện gắn liền, trừ máy hút bụi của nhóm 85.08.
73	8510	Máy cạo, tông đơ và các dụng cụ loại bỏ râu, lông, tóc, có động cơ điện gắn liền.



74	8512	Thiết bị chiếu sáng hoặc thiết bị tín hiệu hoạt động bằng điện (trừ loại thuộc nhóm 85.39), gạt nước, gạt và chống tạo sương và tuyết trên kính chắn, loại dùng cho xe đạp hoặc xe có động cơ.
75	8513	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12.
76	8517	Bộ điện thoại, kể cả điện thoại cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng điện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28.
77	8518	Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện.
78	8519	Thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh.
79	8521	Thiết bị ghi hoặc tái tạo video, có hoặc không gắn bộ phận thu tín hiệu video.
80	8525	Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh.
81	8528	Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh.
82	8531	Thiết bị báo hiệu bằng âm thanh hoặc hình ảnh (ví dụ, chuông, còi báo, bảng chỉ báo, báo động chống trộm hoặc báo cháy), trừ các thiết bị thuộc nhóm 85.12 hoặc 85.30.
83	8536	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hay bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hay lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, rơ le, công tắc, chi tiết đóng ngắt mạch, cầu chì, bộ triệt xung điện, phích cắm, ổ cắm, đèn đèn và các đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp không quá 1.000V; đầu nối dùng cho sợi quang, bó sợi quang hoặc cáp quang.
84	8537	Bảng, panel, giá đỡ, bàn, tủ và các loại hộp và đờ khác, được lắp với hai hay nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hay thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17.
85	8538	Bộ phận chuyên dùng hay chủ yếu dùng với các thiết bị thuộc nhóm 85.35, 85.36 hoặc 85.37.
86	8539	Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang, đèn đi-ốt phát quang (LED).
87	8544	Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và dây dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối.
88	9102	Đồng hồ đeo tay, đồng hồ bỏ túi và các loại đồng hồ cá nhân khác, kể cả đồng hồ bấm giờ, trừ các loại thuộc nhóm 91.01.
89	9103	Đồng hồ thời gian có lắp máy đồng hồ cá nhân, trừ các loại đồng hồ thời gian thuộc nhóm 91.04.
90	9105	Đồng hồ thời gian khác.
91	9201	Đàn piano, kể cả piano tự động; đàn clavecin (hapsichords) và các loại đàn dây có phím bấm khác.
92	9202	Các nhạc cụ có dây khác (ví dụ, ghi ta, vi-ô-lông, đàn hạc).



93	9205	Nhạc cụ hơi (ví dụ, các loại đàn organ ống có phím, đàn accordion, clarinet, trumpet, kèn túi), trừ các loại đàn organ phím chột, đàn quay gió của người hát rong trên đường phố.
94	9206	Nhạc cụ thuộc bộ gõ (ví dụ, trống, mộc cầm, chùm chột, castanet, chuông gõ (maracas)).
95	9207	Nhạc cụ, mà âm thanh được tạo ra, hoặc phát khuếch đại, bằng điện (ví dụ, đàn organ, ghi ta, accordion).
96	9406	Nhà lắp ghép.
97	9506	Dụng cụ và thiết bị dùng cho tập luyện thể chất nội chung, thể dục, điền kinh, các môn thể thao khác (kể cả bóng bàn) hoặc trò chơi ngoài trời, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác trong Chương này; bể bơi và bể bơi nông (paddling pools).
98	9701	Tranh vẽ, tranh phác họa và tranh bột màu, được vẽ hoàn toàn bằng tay, trừ các loại tranh phác họa thuộc nhóm 49.06 và trừ các tác phẩm vẽ hoặc trang trí bằng tay; các tác phẩm ghép và phù điêu trang trí tương tự.
99	8421	Máy ly tâm, kể cả máy làm khô bằng ly tâm; máy và thiết bị lọc hay tinh chế chất lỏng hoặc chất khí.
100	8425	Hệ ròng rọc và hệ tời trục tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp); tời ngang và tời dọc; kích các loại.
101	8479	Máy và thiết bị cơ khí có chức năng riêng biệt, chưa được chi tiết hay ghi ở nơi khác thuộc Chương này

**Điều 3.** Nghị quyết này được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các đơn vị cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

**Kính trình.**

*Nơi nhận:*

- Thành viên HĐQT
- Thành viên BKS
- Ban Giám đốc
- Các cổ đông
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Cho Yong Hwan